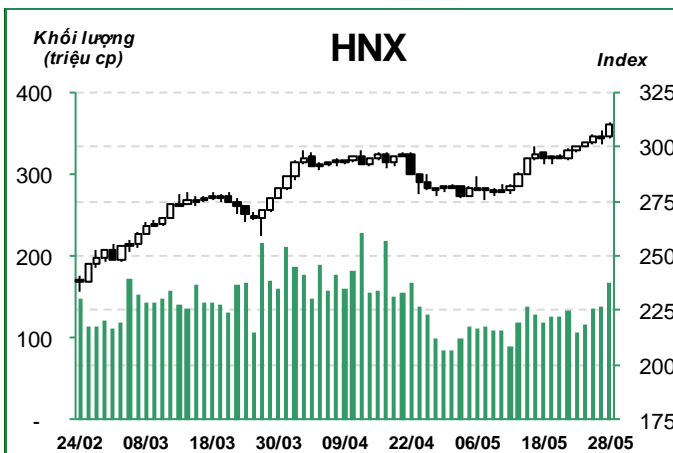
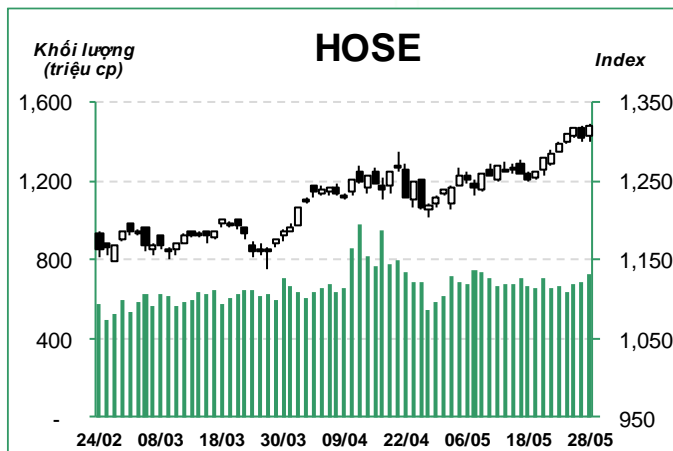


## Tổng quan thị trường

28/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,320.46</b>	<b>1.30%</b>	<b>1,458.78</b>	<b>1.49%</b>	<b>310.46</b>	<b>1.97%</b>
Cuối tuần trước	1,283.93	2.85%	1,425.04	2.37%	297.99	4.18%
Trung bình 20 ngày	1,275.81	3.50%	1,391.99	4.80%	293.32	5.84%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>768.85</b>	<b>4.89%</b>	<b>302.51</b>	<b>9.05%</b>	<b>171.40</b>	<b>11.60%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>722.29</b>	<b>5.43%</b>	<b>300.18</b>	<b>13.37%</b>	<b>168.35</b>	<b>22.06%</b>
Trung bình 20 ngày	685.57	5.35%	263.64	13.86%	123.06	36.80%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>24,798.51</b>	<b>2.95%</b>	<b>14,628.84</b>	<b>6.41%</b>	<b>4,047.46</b>	<b>14.50%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,463.91</b>	<b>7.09%</b>	<b>14,505.82</b>	<b>11.98%</b>	<b>3,985.80</b>	<b>26.73%</b>
Trung bình 20 ngày	20,662.01	13.56%	12,377.96	17.19%	2,641.33	50.90%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	290	63%	23	77%	141	38%
<b>Số mã giảm</b>	124	27%	6	20%	75	20%
<b>Số mã đứng giá</b>	47	10%	1	3%	152	41%



Thị trường ngược dòng tăng điểm ấn tượng trong ngày thứ 6 khi các chỉ số chính lấy lại toàn bộ điểm số đã mất trong phiên hôm qua trước khi cùng nhau lập đỉnh lịch sử mới. Tâm lý thận trọng đầu phiên của các nhà đầu tư nhanh chóng được rũ bỏ khi đà tăng mạnh dần lên ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là các cổ phiếu ngân hàng, dầu khí và chứng khoán trước khi lan tỏa mạnh mẽ hơn đến nhiều nhóm ngành khác trong phiên chiều. Thanh khoản cũng được đẩy lên mức rất cao cùng với khối ngoại tiếp tục mua ròng cho thấy dòng tiền vẫn đồng thuận rót mạnh vào thị trường.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa lập đỉnh lịch sử tại mức 1,320.46 điểm (+1.30%). KLGĐ khớp lệnh đạt 722.3 triệu cổ phiếu (+5.4%), tương đương 23,464 tỷ đồng giá trị (+7.1%). Độ rộng thị trường cũng đảo chiều nghiêng về bên mua với 290 mã tăng/124 mã giảm.

Nhóm ngân hàng là động lực tăng điểm chính khi tất cả các cổ phiếu trong nhóm đều đồng loạt dậy sóng. Đặc biệt là bộ đôi Sacombank-STB (+6.9%), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (+6.9%) đóng cửa ở mức kịch trần. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu Bluechips khác cũng giao dịch hưng khởi như PV Gas-GAS (+2.4%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.2%) hay Chứng khoán SSI-SSI (+5.6%). Ở chiều ngược lại, sức ép giảm điểm được ghi nhận ở một số nhóm ngành như BĐS với Vingroup-VIC (-0.4%), Novaland-NVL (-0.8%), Vincom Retail-VRE (-0.7%) và bán lẻ với Thế Giới Số-DGW (-4.5%), Vàng Phú Nhuận-PNJ (-0.6%).

Về giao dịch khối ngoại, giá trị mua ròng trên sàn HoSE đã giảm đi đáng kể, chỉ còn đạt giá trị 17.0 tỷ đồng (-83.9%). Tuy nhiên, nếu chỉ tính riêng cổ phiếu thì khối ngoại đã chuyển sang bán ròng nhẹ trở lại trong hôm nay với khoảng 28 tỷ đồng. Trong đó, Hòa Phát-HPG tiếp tục dẫn đầu danh sách bán ròng của khối ngoại với giá trị 356.6 tỷ. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng bị bán đáng kể như Ngân hàng Bưu điện

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GEX	8,462.4	222.05
VCG	4,290.0	205.92
HNG	10,000.0	106.00
TCO	6,533.4	77.24
VIB	1,160.0	71.15
TIX	1,540.0	49.06
HPG	631.3	40.03
E1VFN30	1,250.0	30.34
NAF	1,047.6	29.94
HDB	895.0	26.85
<b>HNX</b>		
ASG	1,150.0	43.13
DPC	317.2	5.08
KVC	1,293.9	4.14
SHB	150.1	3.99
IDV	60.0	3.74
VC3	60.0	1.24
SPI	17.0	0.35

Liên Việt-LPB (-82.2 tỷ), Novaland-NVL (-59.1 tỷ), Thép Nam Kim-NKG (-16.5 tỷ). Ở chiều ngược lại, bên cạnh một số cổ phiếu được mua nhiều như Petrolimex-PLX (+148.0 tỷ), Masan-MSN (+57.2 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (+54.6 tỷ). khối ngoại cũng có động thái mua trở lại với các ETF nội như E1VFN30 (+34.4 tỷ), FUEVFN30 (+9.5 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có phiên bứt phá mạnh mẽ và đóng cửa tại mức 310.46 điểm (+1.97%). Đi cùng với đó là thanh khoản ghi nhận mức giao dịch kỷ lục mới với GTGD khớp lệnh 3,985.8 tỷ (+26.7%), tương đương với 168.3 triệu cổ phiếu (+22.1%) được khớp lệnh thành công.

Cũng giống như sàn HoSE, dòng tiền cũng lan tỏa khá tốt đến các cổ phiếu trên sàn HNX. Ngân hàng và chứng khoán là 2 nhóm ngành đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của chỉ số với một vài cổ phiếu tiêu biểu như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.4%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+8.6%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+3.8%) hay Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+4.5%). Bên cạnh đó, các cổ phiếu trong nhóm dầu khí như Dầu khí PTSC-PVS (+6.8%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+2.4%) cũng đồng loạt hưởng ứng. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ một số cổ phiếu thanh khoản thấp như Bán kẹo Hải Hà-HHC (-9.1%), Vận tải ngoại thương-VNT (-10.0%), Bến xe ĐLGL-DL1 (-6.5%).

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HNX hôm nay, đạt giá trị 11.3 tỷ đồng (-92.9%). Trong đó, Dầu khí PTSC-PVS (+11.2 tỷ), Thaiholdings-THD (+6.8 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.9 tỷ). Trái lại, CK Châu Á - TBD-APS (-9.5 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-3.7 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-0.7 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tham gia thị trường khá mạnh mẽ. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương. Thêm vào đó, bộ chỉ báo của chúng tôi tương đối đồng thuận và cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại, với MACD và RSI đang hướng lên, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng tăng. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
L10	16.1	0.2	7.0%
ADS	22.4	1,166.8	6.9%
MHC	13.9	3,007.2	6.9%
ABS	43.4	174.2	6.9%
CTS	17.9	3,002.6	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TNC	29.8	0.1	-6.9%
SMA	7.9	14.0	-6.8%
CLW	29.2	0.1	-6.7%
FUCVREIT	11.9	33.1	-6.7%
HOT	27.1	0.1	-6.4%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	68.6	2,716.4	1.9%
STB	31.9	2,272.2	6.9%
HPG	67.1	2,055.0	0.4%
TCB	53.0	1,042.1	3.1%
MBB	37.7	981.9	3.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	31.9	73,839.9	6.9%
VPB	68.6	40,027.1	1.9%
LPB	28.0	35,668.8	6.9%
HPG	67.1	30,769.4	0.4%
FLC	12.2	29,380.8	6.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DZM	5.5	16.8	10.0%
ARM	44.0	0.1	10.0%
SEB	43.0	5.1	10.0%
APS	12.2	4,801.0	9.9%
VC6	8.9	1.5	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VNT	68.4	0.1	-10.0%
THS	30.9	3.4	-9.9%
MHL	4.7	11.7	-9.6%
GMX	28.4	0.1	-9.6%
CTC	4.8	468.0	-9.4%

#### Top 5 giá trị

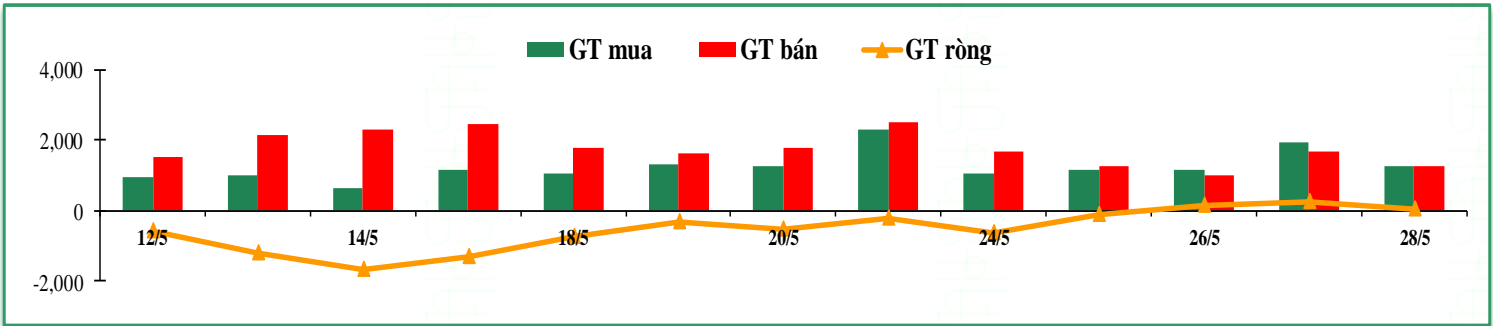
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	30.2	1,336.8	2.4%
PVS	23.5	575.2	6.8%
SHS	35.0	378.5	4.5%
THD	198.2	319.6	0.3%
IDC	37.4	277.2	5.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	30.2	44,500.5	2.4%
PVS	23.5	24,881.8	6.8%
SHS	35.0	11,056.8	4.5%
KLF	5.2	8,995.4	8.3%
IDC	37.4	7,498.9	5.1%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,243.2	5.0%	1,226.2	4.9%	17.0
HNX	36.0	0.9%	24.7	0.6%	11.3
<b>Tổng số</b>	<b>1,279.2</b>		<b>1,250.9</b>		<b>28.3</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.8	148.5	1.7%
HPG	67.1	95.7	0.4%
NVL	134.9	82.5	-0.8%
STB	31.9	68.9	6.9%
MSN	112.5	63.6	2.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	67.1	452.3	0.4%
NVL	134.9	141.6	-0.8%
LPB	28.0	83.6	6.9%
CTG	51.2	53.2	2.0%
VHM	104.6	41.5	0.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.8	148.0	1.7%
MSN	112.5	57.2	2.3%
SSI	41.8	54.6	5.6%
STB	31.9	51.8	6.9%
VNM	91.1	43.2	0.7%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.5	11.7	6.8%
THD	198.2	6.8	0.3%
SHB	30.2	4.4	2.4%
SHS	35.0	3.6	4.5%
NSC	80.0	2.8	7.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
APS	12.2	9.5	9.9%
VND	46.0	4.3	3.8%
SHS	35.0	3.9	4.5%
NSC	80.0	1.3	7.1%
PAN	24.9	0.7	1.6%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.5	11.2	6.8%
THD	198.2	6.8	0.3%
SHB	30.2	3.9	2.4%
PVI	34.2	1.6	2.7%
NSC	80.0	1.5	7.1%

## Tin trong nước

### **Triển vọng xếp hạng tín nhiệm giúp Việt Nam có nhiều lợi thế hơn để thu hút FDI**

Tình hình thu hút FDI 5 tháng đầu năm có tín hiệu tích hơn so với cùng kỳ năm ngoái thể hiện ở tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và hoạt động góp vốn, mua cổ phần đạt gần 14 tỷ USD, tăng 0,8% theo Bộ Kế hoạch & Đầu tư. Đây là tháng đầu tiên kể từ đầu năm ghi nhận dòng vốn FDI tăng trưởng. Đồng thời, vốn FDI thực hiện cũng đạt gần 7,2 tỷ USD, tương đương mức tăng 6,7% so với cùng kỳ năm vừa qua.

Các chuyên gia cho rằng việc 3 tổ chức xếp hạng tín nhiệm (Moody's, S&P và Fitch) đồng loạt nâng triển vọng từ ổn định lên tích cực và giữ nguyên hệ số tín nhiệm quốc gia sẽ giúp Việt Nam có nhiều lợi thế hơn trong thu hút FDI.

Trong đó, S&P đánh giá Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì ở trạng thái tốt để phục hồi vững chắc trong 1-2 năm tới. Có được điều đó là nhờ việc Chính phủ áp dụng biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, giữ vững vị thế điểm đến hàng đầu trong Đông Nam Á về thu hút FDI và tăng trưởng xuất khẩu ổn định.

Mức xếp hạng tín nhiệm và triển vọng tín nhiệm quốc gia được các nhà đầu tư nước ngoài xem như yếu tố tiên quyết để xác định mức độ rủi ro và khả năng sinh lời, trước khi ra quyết định đầu tư.

### **Giữ nguyên giá giá bán lẻ xăng, dầu**

Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa phát đi thông tin về việc điều hành giá xăng dầu từ 15h ngày 27/5. Ở kỳ điều chỉnh ngày 27/5, giá xăng dầu được giữ nguyên so với 15 ngày trước.

Cụ thể, giá xăng E5 RON 92 giữ nguyên 18.420 đồng/lít. Xăng RON 95 là 19.530 đồng/lít. Giá các mặt hàng dầu giữ nguyên. Dầu diesel là 14.770 đồng/lít. Dầu hoả là 13.820 đồng/lít. Dầu madut 14.270 đồng/kg.

Như vậy, sau 2 kỳ tăng giá liên tiếp, đây là lần thứ hai kể từ kỳ điều hành ngày 10/2, giá bán lẻ xăng dầu trong nước được giữ nguyên.

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Trái chủ sắp nhận 59 triệu cổ phiếu VIC với giá chuyển đổi gần 115.00 đồng/cp**

Vinpearl vừa đăng ký bán gần 59,2 triệu cổ phiếu Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) trong tháng 6. Đây là giao dịch chuyển quyền sở hữu cổ phiếu VIC để thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu kèm theo trái phiếu quốc tế phát hành năm 2018 được UBCKNN chấp thuận.

Hiện Vinpearl sở hữu gần 108,9 triệu cổ phiếu VIC, tương ứng tỷ lệ 3,19% trước giao dịch. Khi chuyển nhượng xong, tỷ lệ sở hữu của tổ chức này sẽ còn 1,44%. Doanh thu thuần hợp nhất của Vinpearl đạt 4.900 tỷ đồng, giảm 65% so với năm 2019. Công ty lỗ sau thuế là 9.576 tỷ đồng, so với mức lỗ 4.754 tỷ đồng năm 2019.

### **Hải An chốt quyền chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%**

HĐQT Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) thông qua ngày 15/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trả cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ 10%. Ngày thanh toán là 1/7.

Năm 2020, Hải An ghi nhận doanh thu tăng hơn 7% lên 1.192 tỷ đồng và lãi sau thuế tăng 10% đạt gần 147 tỷ đồng. Với kết quả đó, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức 10%, tương đương với giá trị 47,4 tỷ đồng.

Về kế hoạch kinh doanh năm 2021, doanh nghiệp đề ra chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế là 1.661 tỷ đồng và 157,8 tỷ đồng, lần lượt tăng 37% và 8% so với năm trước. Công ty cũng đặt mục tiêu tổng sản lượng vận tải ở mức 972.350 TEU. Với kế hoạch kinh doanh này, Hải An dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 15%.

Quý I, công ty ghi nhận doanh thu thuần tăng 28% so với cùng kỳ, lên 359 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu hoạt động khai thác tàu chiếm 88%, ở mức 317 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế tăng 174%, lên mức 85,5 tỷ đồng, hoàn thành 54% kế hoạch cả năm.

### **Một CTCK chào bán cổ phiếu tăng vốn thêm hơn 500%**

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã chấp thuận về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Chứng khoán Đại Nam (DNSE).

Theo đó, DNSE sẽ phát hành hơn 84 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:5,25 (1 cổ phiếu cũ được mua 5,25 cổ phiếu phát hành thêm). Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.

Dự kiến sau khi phát hành, vốn điều lệ của DNSE sẽ tăng từ 160 tỷ đồng lên thành 1.000 tỷ đồng. Việc phát hành dự kiến sẽ triển khai trong quý II và III/2021, ngay sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	STB	Nắm giữ	05/05/21	31.85	24.1	32.2%	34.3	42.3%	22.9	-5.0%	Xu hướng tăng mạnh
2	BVS	Nắm giữ	25/05/21	26	22.8	14.0%	30	31.6%	21.3	-6.6%	Xu hướng tăng mạnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHM	Quan sát mua	31/05/21	104.6	120	Tín hiệu tích lũy trong vùng 103-107 với vol giảm dần khá tích cực + có nền rút chân -> khả năng sớm tăng điểm trở lại và thoát khỏi vùng sideway trung hạn
2	CKG	Quan sát mua	31/05/21	17	19.5-20	Ko có tín hiệu áp lực bán theo sau phiên giảm mạnh thủng nền kèm vol cao 26/5 -> nghi ngờ đây là phiên rũ hàng, cần phiên tăng vượt 17.25 để xác nhận
3	BSR	Quan sát mua	31/05/21	15.7	18   20-21	Tín hiệu tạo đáy sau cao hơn đáy trước và đà tăng cải thiện dần trong vùng sideway 14-16 -> khả năng sớm có phiên break ngưỡng 16.2 và bắt đầu nhịp tăng mới

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	94.8	81.5	16.3%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	50.7	49.9	1.6%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	31.85	24.1	32.2%	34.3	42%	22.9	-5%	Nâng giá mục tiêu lên 34.3 ngàn
4	SSI	Mua	13/05/21	41.8	34.8	20.1%	42	21%	33.5	-4%	
5	PVS	Mua	19/05/21	23.5	21.8	7.8%	24.5	12%	20.5	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VHM	Mua	20/05/21	104.6	100.4	4.2%	110	10%	96.5	-4%	
7	HDG	Mua	24/05/21	44.35	41.95	5.7%	47.6	13%	40.3	-4%	
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	26	22.8	14.0%	30	32%	21.3	-7%	Nâng giá mục tiêu lên 30 ngàn
9	AGR	Mua	26/05/21	11.9	11.55	3.0%	13	13%	11	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 28/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,070	2.5%	252%	32,920	25	94,800	8,975	(95)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,810	14.0%	221%	12,460	38	94,800	3,411	(1,399)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,030	11.9%	303%	17,260	117	32,850	703	(3,327)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	42,060	0.1%	638%	2,390	33	67,100	41,150	(910)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	7,950	7.4%	657%	13,980	117	67,100	5,134	(2,816)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	28,300	2.9%	329%	1,580	38	67,100	26,192	(2,108)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,250	6.0%	265%	12,530	39	67,100	12,598	(1,652)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,890	5.2%	493%	11,030	38	67,100	7,467	(1,423)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,380	4.6%	413%	34,050	73	67,100	12,640	(2,740)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,500	2.5%	205%	11,740	91	67,100	8,584	(3,916)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,250	2.0%	381%	52,280	76	67,100	1,612	(4,638)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,090	-1.8%	408%	72,660	76	67,100	1,595	(4,495)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,110	2.2%	157%	9,610	80	39,000	2,949	(1,161)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,250	1.6%	225%	6,210	117	39,000	1,193	(2,057)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,200	4.0%	121%	8,750	77	39,000	4,020	(2,180)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	21,700	5.9%	372%	24,830	17	37,700	21,716	16	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,300	7.5%	356%	17,780	39	37,700	5,880	(1,420)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,950	-1.3%	229%	9,930	76	37,700	348	(3,602)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,700	11.5%	252%	21,220	117	112,500	705	(2,995)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,570	11.9%	257%	29,270	117	112,500	318	(3,252)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	7,000	6.1%	133%	17,600	77	112,500	4,150	(2,850)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	28,000	2.9%	133%	2,530	33	142,700	23,443	(4,557)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,500	8.7%	106%	21,090	13	142,700	3,478	(22)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,680	1.9%	53%	3,290	39	142,700	2,597	(1,083)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	7,890	1.8%	163%	3,260	66	142,700	4,633	(3,257)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	2,990	12.0%	57%	17,680	38	142,700	1,449	(1,541)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,500	3.4%	296%	18,030	(67)	142,700	(73)	(9,573)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,600	-2.1%	56%	22,770	91	142,700	1,569	(3,031)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,270	-2.0%	627%	37,950	14	134,900	7,169	(101)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,640	5.5%	364%	7,100	117	134,900	3,635	(1,005)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,510	-1.1%	219%	28,940	122	134,900	582	(2,928)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,930	1.0%	257%	25,750	91	77,800	59	(3,871)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,430	-0.2%	303%	10,760	122	77,800	165	(4,265)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,000	3.8%	76%	17,780	39	101,000	2,341	(659)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,800	5.5%	190%	7,120	66	101,000	4,262	(1,538)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	5,050	5.4%	74%	16,810	21	101,000	4,459	(591)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	3,620	2.0%	57%	13,860	39	59,300	2,852	(768)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,500	6.4%	127%	7,000	117	19,700	11	(2,489)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	9,770	11.7%	788%	26,760	14	31,850	9,930	160	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	19,360	11.8%	409%	24,540	17	31,850	19,862	502	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,720	15.2%	672%	29,400	117	31,850	5,002	(2,718)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	13,050	18.6%	553%	14,930	7	31,850	13,857	807	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	8,420	13.8%	501%	69,090	73	31,850	6,964	(1,456)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	12,800	16.5%	220%	29,950	91	31,850	9,073	(3,727)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,450	6.6%	482%	20,250	63	53,000	31,081	(369)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,300	4.3%	386%	14,870	130	53,000	22,236	(2,064)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,010	5.9%	292%	19,510	39	53,000	8,541	(469)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,390	8.1%	258%	33,140	73	53,000	8,826	(1,564)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,760	16.0%	288%	11,120	91	53,000	3,759	(4,001)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,450	4.3%	53%	11,570	80	22,500	89	(2,361)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,950	9.3%	195%	1,060	117	22,500	136	(2,814)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,100	-3.1%	13%	13,740	77	22,500	71	(3,029)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,040	5.7%	70%	38,930	76	22,500	0	(2,040)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,700	3.0%	21%	30,620	14	104,600	1,579	(121)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,650	-1.4%	232%	3,400	117	104,600	224	(3,426)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,970	0.0%	56%	28,190	39	104,600	1,780	(1,190)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,300	-3.7%	-21%	29,710	7	104,600	1,164	(136)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,510	8.0%	119%	28,630	73	104,600	748	(2,762)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,000	0.0%	167%	11,000	77	104,600	356	(3,644)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,850	-1.3%	196%	9,920	76	104,600	10	(3,840)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,850	5.7%	23%	22,890	14	119,800	1,302	(548)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2101	1,000	3,500	3.2%	250%	48,790	117	119,800	118	(3,382)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,250	12.5%	25%	16,500	7	119,800	1,984	(266)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,390	-13.7%	117%	46,250	122	119,800	0	(2,390)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	240	-14.3%	-76%	31,790	14	112,000	54	(186)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	250	4.2%	-77%	47,280	14	91,100	(0)	(250)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,280	-0.4%	107%	11,080	117	91,100	0	(2,280)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,310	-18.6%	-23%	40,180	39	91,100	0	(1,310)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	460	-23.3%	-73%	36,720	21	91,100	(0)	(460)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,100	-3.1%	109%	7,810	108	91,100	25	(3,075)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	2,020	4.1%	84%	46,060	122	91,100	0	(2,020)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,850	4.6%	665%	4,140	63	68,600	42,696	(154)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,600	2.0%	438%	6,270	39	68,600	15,842	242	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	16,500	6.5%	489%	17,960	7	68,600	16,557	57	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,520	6.6%	512%	29,580	73	68,600	16,128	(392)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,000	9.8%	260%	11,840	91	68,600	6,621	(2,379)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	240	-31.4%	-84%	56,360	14	30,550	0	(240)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,100	1.4%	42%	9,610	63	30,550	3,180	(3,920)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,400	-0.4%	100%	9,230	117	30,550	75	(2,325)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,900	21.8%	6%	30,570	39	30,550	208	(1,692)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,420	15.2%	86%	21,890	73	30,550	96	(2,324)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,270	-12.1%	9%	20,000	77	30,550	37	(3,233)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	24,700	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">VHC</a> (New)	HOSE	40,200	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">FMC</a> (New)	HOSE	33,450	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
<a href="#">MPC</a> (New)	UPCOM	35,400	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">IMP</a> (New)	HOSE	72,700	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
<a href="#">DHG</a> (New)	HOSE	94,100	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	25,100	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	127,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	101,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	142,700	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	161,500	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	112,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">VNM</a>	HOSE	91,100	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	86,900	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	HOSE	32,500	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">NVL</a>	HOSE	134,900	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	UPCOM	42,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	38,200	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>	HOSE	39,000	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	99,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>	HOSE	38,900	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
<a href="#">TCB</a>	HOSE	53,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>	HOSE	15,600	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	58,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	91,100	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	59,100	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	67,100	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">FPT</a>		HOSE	94,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>		HNX	19,900	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>		HOSE	38,400	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
<a href="#">ACV</a>		UPCOM	68,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">REE</a>		HOSE	59,300	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	54,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>		HOSE	19,700	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">GVR</a>		HOSE	28,750	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>		UPCOM	39,100	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>		HOSE	30,550	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">GAS</a>		HOSE	82,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>		HOSE	52,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>		HOSE	37,700	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>		HOSE	19,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>		HOSE	59,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>		UPCOM	15,700	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>		HOSE	16,950	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">VHM</a>		HOSE	104,600	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">LHG</a>		HOSE	41,100	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>		HOSE	53,700	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>		UPCOM	88,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>		HOSE	11,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.  
\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.